TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Bá Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà 202, tổ 14, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mười H, sinh năm 1982; địa chỉ: số nhà 202, tổ 14, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày*, do mai mối, ông và bà H kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/4/2003. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh có 02 con chung tên Trương Thị Diệu H, sinh năm 1999 đã thành niên, Trương Văn N, sinh ngày 02/10/2005, hiện đang chung sống với bà H.

Thời gian chung sống hạnh phúc được 14 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H yêu cầu được đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông T phát hiện bà H không đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh mà lại đi tỉnh Bạc Liêu để sinh sống cùng người khác, ông T có đến nơi tìm nhưng bà H không đồng ý về, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H; ông T đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số I/03, ngày 28/4/2003 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Trương Văn T và bà Huỳnh Thị Mười H (bản chính); giấy khai sinh số 135, ngày 25/4/2008 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho Trương Văn N (bản sao); giấy khai sinh số 122, quyển số 01, ngày 02/5/2003 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho Trương Thị Diệu H (bản sao).

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Mười H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông T và bà H kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà H. Ông T, bà H không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Hai, giao cháu Ngoan cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H; bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Trương Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Mười H. Đồng thời, bà H cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Mười H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông T và bà H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H yêu cầu được đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông T phát hiện bà H không đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh mà lại đi tỉnh Bạc Liêu để sinh sống cùng người khác, ông T có đến nơi tìm nhưng bà H không đồng ý về, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống và không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà H nhưng bà H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Trương Thị Diệu H, sinh năm 1999 đã thành niên, Trương Văn N, sinh ngày 02/10/2005, hiện đang chung sống với bà H.

Xét thấy, con chung tên Hiền đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, con chung tên Ngoan đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định, ông T đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi con chung, theo ý chí của ông T và bà H cũng không có ý kiến phản đối ý kiến của ông T về việc giao cháu Ngoan cho bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu Ngoan phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Ngoan cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

1. Về hôn nhân: Ông Trương Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mười H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số I/03, ngày 28/4/2003 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Trương Văn T và bà Huỳnh Thị Mười H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Con chung Trương Thị Diệu H, sinh năm 1999 đã thành niên. Bà Huỳnh Thị Mười H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Văn N, sinh ngày 02/10/2005. Ông Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Huỳnh Thị Mười H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trương Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010066 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 01 năm 2022; ông Trương Văn T đã nộp đủ án phí.

Bà Huỳnh Thị Mười H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trương Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mười H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy